

Số: 32/NQ-HĐND

Phủ Thông, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn (đợt 1) và dự kiến chi thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHỦ THÔNG
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ SÁU (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi thường xuyên; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 305/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự kiến chi thường xuyên giai đoạn 2026-2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban

nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự kiến chi thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Phú Thông tại Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2026 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn (đợt 1) và dự kiến chi thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 113/BC-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn (đợt 1) và dự kiến chi thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030: 78.731 triệu đồng và 6.000 tấn xi măng, cụ thể như sau:

1. Ngân sách Trung ương: 46.723 triệu đồng.
2. Ngân sách tỉnh: 25.000 triệu đồng và 6.000 tấn xi măng.
3. Ngân sách xã đối ứng: 7.008 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

Điều 2. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 (đợt 1) như sau:

1. Tổng nguồn vốn phân bổ: 48.507 triệu đồng và 6.000 tấn xi măng, trong đó:
 - Ngân sách Trung ương: 34.507 triệu đồng;
 - Ngân sách tỉnh: 14.000 triệu đồng và 6.000 tấn.
2. Ngân sách chưa phân bổ: 5.176 triệu đồng (ngân sách xã đối ứng 15%).

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

Điều 3. Dự kiến phân bổ chi thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030: 25.048 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Ngân sách Trung ương: 12.216 triệu đồng.
2. Ngân sách tỉnh: 11.000 triệu đồng.
3. Ngân sách xã (đối ứng 15%): 1.832 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu dự án. Kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân xã xem xét, điều chỉnh các nội dung thuộc thẩm quyền nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả vốn ngân sách Nhà nước.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Phú Thông khóa II, kỳ họp thứ sáu (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh (B/c);
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh (B/c);
- Các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
Dân tộc và Tôn giáo (B/c);
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy;
- Các Ban HĐND xã;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Trung tâm DVTH (đăng tải Cổng TTĐT xã);
- Văn phòng HĐND&UBND xã;
- Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng Ban CTMT
các thôn thuộc xã;
- Lưu: VT, HSHĐND xã.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Hằng



Phụ lục 01

TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN (ĐỢT 1) VÀ DỰ KIẾN CHI THƯỜNG XUYÊN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Phủ Thông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tổng cộng				Chi tiết nguồn vốn										Ghi chú
	Kinh phí			Xi măng (tấn)	Vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030			Ngân sách cấp tỉnh				Ngân sách cấp xã đối ứng			
	Tổng	Đầu tư phát triển	Dự kiến kinh phí thường xuyên					Kinh phí			Xi măng (tấn)				
					Tổng	Đầu tư phát triển	Dự kiến kinh phí thường xuyên	Tổng	Đầu tư phát triển	Dự kiến kinh phí thường xuyên		Tổng	Đầu tư phát triển	Dự kiến kinh phí thường xuyên	
1	78.731	53.683	25.048	6.000	46.723	34.507	12.216	25.000	14.000	11.000	6.000	7.008	5.176	1.832	

Phụ lục 02

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN (ĐỢT 1) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
 TỈNH ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030
 (Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của HĐND xã Phù Thống)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	 Quyết định phê duyệt danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	KHV giai đoạn 2026-2030 (đợt 1)					Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			Xi măng (tấn)		
							Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã			
	TỔNG CỘNG					53.683	34.507	14.000	5.176	6.000		
A	HỢP PHẦN THỨ NHẤT					53.683	34.507	14.000	5.176	6.000		
I	Nội dung thành phần thứ 2					53.683	34.507	14.000	5.176	6.000		
I.1	Nội dung 01					35.847	16.671	14.000	5.176	5.537		
1	Tuyến đường giao thông liên xã kết nối xã Phú Thông và xã Thượng Minh, thôn Hoa Sơn	Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 25/8/2026 của UBND xã	Dự kiến chiều dài tuyến là 2.600m; bề rộng nền 6,5m, mặt đường 5m; dày 18cm	2026-2028	9.000	9.000		9000		475	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	
2	Dự án xây mới các tuyến đường giao thông thôn Lục Bình		Tuyến từ nhà văn hoá thôn - HTX Hoà Phát: Dự kiến tuyến đường dài 350m; nền rộng 4m; mặt đường 3m; dày 18cm	2026	1.950	1.950	1500	450		160		
			Tuyến Nà Cuồng: Dự kiến chiều dài tuyến là 250m; bề rộng nền 4m, mặt đường 3m; dày 18cm									
			Tuyến Thôn Quang - Cốc Thông: Dự kiến chiều dài tuyến là 400m; bề rộng nền 4m, mặt đường 3m; dày 18cm									
			Tuyến Nà Nát: Dự kiến chiều dài tuyến là 400m; bề rộng nền 4m, mặt đường 3m; dày 18cm									
3	Dự án xây mới các tuyến đường giao thông thôn Cao Lộc		Tuyến Pù Chín: Dự kiến chiều dài tuyến là 1.000m; bề rộng nền 4m, mặt đường 3m; dày 18cm; Trên tuyến dự kiến xây dựng 01 cầu dân sinh (đã có mặt bằng)	2026	2.048	2.048	448	1.600		155		
			Tuyến Cốc Nghịu: Đồ bê tông tuyến đường với chiều dài tuyến là 1.000m; bề rộng nền 4m, mặt đường 3m; dày 18cm									
4	Dự án xây mới các tuyến đường giao thông thôn Hồng Quân		Tuyến Cốc Lây: Dự kiến chiều dài tuyến là 350m; nền 4m; mặt đường 3m; dày 18cm (đã có mặt bằng)	2026	720	720	220	500		72		
			Tuyến Nà Bầm: Dự kiến chiều dài tuyến là 250m; bề rộng nền 4m, mặt đường 3m; dày 18cm									
5	Dự án xây mới các tuyến đường giao thông thôn Vi Hương		Tuyến Sân Ban - Cốc Chai: Đồ bê tông đường với chiều dài 400m; mặt đường rộng 3m; dày 16cm	2026	950	950		950		95		
			Tuyến Khuổi Dường: Đồ bê tông đường với chiều dài 180m; nền đường rộng 4m; mặt đường rộng 3m; dày 16cm									
			Tuyến sau UBND xã cũ: Đồ bê tông đường dân sinh với chiều dài 150m; mặt đường rộng 3m; dày 16cm									
			Tuyến nhà bà Mầu lên nhà ông Diễn: Bê tông hoá đường bê tông với quy mô 120mx2,5mx16cm									
6	Dự án xây mới cầu Đon Bấy thôn Hoa Sơn		Xây dựng cầu cứng	2027	2.000	2.000	2.000			54		
7	Dự án xây mới các tuyến đường giao thông thôn Hoa Sơn		Tuyến Khuổi Dụ: Dự kiến chiều dài tuyến là 100m; bề rộng nền 4m, mặt đường 3m; dày 16cm	2027	360	360	360			35		
			Tuyến Thuỷ Điện: Dự kiến chiều dài tuyến là 100m; bề rộng mặt đường 3m; dày 16cm									
			Tuyến Cốc Có - Khuổi Đưa: Dự kiến chiều dài tuyến là 400m; bề rộng nền 4m, mặt đường 3m; dày 16cm								Dự án đối ứng ngân sách xã, thực hiện phân bổ đối	

8	Dự án xây mới các tuyến đường giao thông thôn Lục Bình (các tuyến còn lại)	Tuyến nội đồng Nà Dải: Dự kiến chiều dài tuyến là 1.000m; bề rộng nền 4m, mặt đường 3m; dày 16cm (chưa có mặt đường)	2027	1.800	0				260	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã	ứng khi có Nghị quyết HĐND tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 ngân sách địa phương	
		Tuyến nội thôn Lục Bình: Xây dựng tuyến đường dài 150m; nền đường 4; mặt đường rộng 3; dày 16cm										
9	Dự án xây mới các tuyến đường giao thông thôn Phúc Hoà	Tuyến nội đồng Nà Lếch: Dự kiến xây dựng đường nội đồng với chiều dài 470m; rộng 2,5m; dày 16cm	2028	2727	0				206			Dự án đối ứng ngân sách xã, thực hiện phân bổ đối ứng khi có Nghị quyết HĐND tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 ngân sách địa phương
		Tuyến nội đồng Nà Tâng: Dự kiến xây dựng đường nội đồng với chiều dài 500m; rộng 2,5m; dày 16cm										
		Tuyến nội thôn Nà Phường: Dự kiến xây dựng đường nội đồng với chiều dài 300m; rộng 2m; dày 16cm										
		Tuyến đoạn nhà ông Duyệt, ông Sỹ: Dự kiến xây dựng đường nội đồng với chiều dài 100m; rộng 2m; dày 16cm										
		Tuyến nội đồng Khuổi Dầy: Dự kiến xây dựng đường nội đồng với chiều dài 900m; rộng 2,5m; dày 16cm										
10	Dự án xây mới các tuyến đường giao thông thôn Phương Thông	Tuyến nội thôn đoạn nhà ông Khai, ông Thu: Dự kiến đổ bê tông 02 đoạn đường giao thông với tổng chiều dài là 190m, cụ thể: Đường lên nhà ô Khai: 150m, rộng 1,5m; Đường lên nhà ô Thu: 40m, rộng 1,2m	2028	649	0				48			Dự án đối ứng ngân sách xã, thực hiện phân bổ đối ứng khi có Nghị quyết HĐND tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 ngân sách địa phương
		Tuyến xuống cánh đồng Nà Mèo: Đổ bê tông đường giao thông chiều dài 270m, cụ thể:Đường tới suối: dài 180m, rộng 2m; Từ suối đến đường nội thị: dài 90m, rộng 1m2										
		Tuyến nội thôn đoạn nhà ông Đẹp (Khuổi Sla): Đổ bê tông đường giao thông với chiều dài 50m, rộng 2m, phục vụ 6 hộ										
11	Dự án xây mới các tuyến đường giao thông thôn Vi Hương (các tuyến còn lại)	Tuyến từ cổng trường Tiểu học đi kéo dưới: Đổ bê tông đường với chiều dài 180m; mặt đường 2m; dày 16cm	2028	630	630	630			63			
		Tuyến Khuổi Tầu: Đổ bê tông đường vào khu sản xuất với chiều dài 190m; mặt đường rộng 3m; dày 18cm										
		Tuyến đường sau nhà bia: Đổ bê tông đường với chiều dài 150m; rộng 2m; dày 16cm										
12	Dự án xây mới các tuyến đường giao thông thôn Tân Tiến	Tuyến nội thôn đoạn nhà ông Hứa - Khuổi Kheo: Xây mới tuyến đường với chiều dài 350m; mặt đường rộng 3m; dày 16cm; có lề đường với chiều dài 200m (dự kiến thực hiện 02 đoạn)	2029	1.500	1.500		1.500		151			
		Tuyến nội đồng Nà Ên - Nà Tâng: Xây dựng tuyến đường dài 550m; rộng 2,5; dày 16cm (dự kiến thực hiện 02 đoạn)										
		Tuyến nội đồng Khuổi Tháng: Xây dựng tuyến đường dài 100m; rộng 2,5; dày 16cm										
13	Dự án xây mới các tuyến đường giao thông thôn Chiến Thắng	Tuyến Nà Phái: Dự kiến đổ bê tông 02 đoạn đường cụ thể: Đoạn 1 (Nhà ô Dư đến nhà ô Thủy): dài 200m, rộng 1,5m; Đoạn 2 (Nhà bà Liễu đến nhà ô Biền): dài 200m, rộng 1,5m	2029	530	530	530			36			
		Đường lên nghĩa trang Phương Thông: Đổ bê tông đường với chiều dài 170m, rộng 2m; dày 16cm										
14	Dự án xây mới cầu Chiến Thắng - Vi Hương thôn Chiến Thắng	Xây dựng cầu cứng	2029-2030	2.000	2.000	2.000			53			
15	Dự án đổ bê tông các tuyến đường nội thôn Hoa Sơn	Đổ bê tông đường với chiều dài 2000m;mặt đường rộng 3m;dày 18cm	2027-2030	3.260	878	878			340			
16	Dự án đổ bê tông các tuyến đường nội thôn Phương Thông	Đổ bê tông đường với chiều dài 2000m;mặt đường rộng 3m;dày 18cm	2027-2030	3.260	878	878			340			
17	Dự án đổ bê tông các tuyến đường nội thôn Lục Bình	Đổ bê tông đường với chiều dài 2000m;mặt đường rộng 3m;dày 18cm	2027-2030	3.340	878	878			340			
18	Dự án đổ bê tông các tuyến đường nội thôn Phúc Hoà	Đổ bê tông đường với chiều dài 2000m;mặt đường rộng 3m;dày 18cm	2027-2030	3.340	878	878			340			
19	Dự án đổ bê tông các tuyến đường nội thôn Hồng Quân	Đổ bê tông đường với chiều dài 2000m;mặt đường rộng 3m;dày 18cm	2027-2030	3.340	878	878			340	Trung tâm dịch vụ		

20	Dự án đổ bê tông các tuyến đường nội thôn Cao Lộc	Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 25/8/2026 của UBND xã	Đổ bê tông đường với chiều dài 2000m;mặt đường rộng 3m;dây 18cm	2027-2030	3.340	878	878			340	tổng hợp xã	
21	Dự án đổ bê tông các tuyến đường nội thôn Vi Hương		Đổ bê tông đường với chiều dài 1950m;mặt đường rộng 3m;dây 18cm	2027-2030	3.258	803	803			330		
22	Dự án đổ bê tông các tuyến nội thôn thôn Đèo Giàng		Đổ bê tông đường với chiều dài 1920m;mặt đường rộng 3m;dây 18cm	2027-2030	3.209	728	728			326		
23	Dự án đổ bê tông các tuyến nội thôn thôn Chiên Thắng		Đổ bê tông đường với chiều dài 1920m;mặt đường rộng 3m;dây 18cm	2027-2030	3.209	728	728			326		
24	Dự án đổ bê tông các tuyến nội thôn thôn Tân Tiến		Đổ bê tông đường với chiều dài 1920m;mặt đường rộng 3m;dây 18cm	2027-2030	3.209	728	728			326		
25	Dự án đổ bê tông các tuyến nội thôn Quyết Thắng		Đổ bê tông đường với chiều dài 1920m;mặt đường rộng 3m;dây 18cm	2027-2030	3.209	728	728			326		
I.2 Nội dung 05					26.720	17.836	17.836	0	0	463		
1	Dự án trường MN Phù Thông (phân hiệu Lục Bình), thôn Lục Bình	Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 25/8/2026 của UBND xã	Xây mới, nâng cấp, cải tạo khu nhà lớp học gồm 6 phòng học và 3 phòng học bộ môn tại phân hiệu Lục Bình	2026-2027	7.000	5.336	5.336			141	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã	Đổi ứng vào Chương trình MTQG hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo
2	Dự án trường MN Phù Thông (phân hiệu Tân Tú), thôn Tân Tiến		Cải tạo: 01 phòng thư viện và 01 phòng học dành cho nhóm trẻ; 01 bếp ăn, phòng kho và phòng vệ sinh; nhà số (2) ngăn và sửa thành phòng giáo dục thể chất và phòng giáo dục nghệ thuật. Xây mới 04 phòng học quy mô 2 tầng tại Phân hiệu Tân Tú	2026-2027	8.000	7.000	7.000			185		
3	Dự án trường MN Phù Thông (trường chính), thôn Đèo Giàng		Xây mới: Khu nhà 02 tầng bao gồm Khu Ban giám hiệu các phòng hành chính; 02 phòng học thường, 02 phòng học bộ môn. Sửa chữa: các hạng mục xuống cấp, các hạng mục phụ trợ, kê đá, hàng rào; nhà vệ sinh khoáng. nhà bếp nấu ăn 50 m2 tại điểm trường chính.	2027-2028	5.000	2.500	2.500			67		
5	Dự án trường TH&THCS Vi Hương, thôn Vi Hương		Sửa chữa 02 phòng học bộ môn đạt chuẩn; Sửa chữa 01 phòng truyền thống + Đoàn Đội; Cải tạo phòng làm kho thiết bị giáo dục; Cải tạo 01 phòng tư vấn học đường; Sửa lại nhà thư viện cho phù hợp với công năng thư viện chuẩn. Xây mới: 01 Nhà vệ sinh; 400m tường rào;	2028-2029	2.720	1.000	1.000			28		
6	Dự án trường Tiểu học Phù Thông, thôn Phương Thông		Cải tạo: 04 phòng học bộ môn. Nhà hiệu bộ gồm các phòng: Hiệu trưởng, hiệu phó, văn phòng, phòng hội đồng, 01 kho thiết bị giáo dục, 01 phòng tư vấn học đường, thư viện.	2029-2030	4.000	2.000	2.000			42		
B	NGUỒN CHƯA PHÂN BỐ		Đổi ứng 15% nguồn ngân sách xã, sẽ phân bổ chi tiết khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn ngân sách địa phương.							5.176		



[illegible]

[illegible]

[illegible]